

**ỦY BAN DÂN TỘC**  
**Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016 – 2020**  
**“Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc**  
**ở Việt Nam đến năm 2030, mã số CTDT/16-20”**

**BẢN KIẾN NGHỊ**  
**ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP QUỐC GIA**

**NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN**  
**THỂ LỰC, GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN**  
**NHÂN LỰC CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ ĐẾN NĂM 2030**  
**MÃ SỐ: CTDT.23.17/16-20**

**Tổ chức chủ trì thực hiện đề tài: Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh**

**Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Vũ Chung Thủy**

**Bắc Ninh – 2020**

**ỦY BAN DÂN TỘC**  
**Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016 – 2020**  
**“Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc**  
**ở Việt Nam đến năm 2030, mã số CTDT/16-20”**

**BẢN KIẾN NGHỊ**  
**ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP QUỐC GIA**

**NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN**  
**THỂ LỰC, GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN**  
**NHÂN LỰC CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ ĐẾN NĂM 2030**  
**MÃ SỐ: CTDT.23.17/16-20**

**Xác nhận của tổ chức chủ trì đề tài**



**HIỆU TRƯỞNG**

*PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc*

**Chủ nhiệm đề tài**

**PGS.TS. Vũ Chung Thủy**

**Bắc Ninh – 2020**

**Kiến nghị 1. Ứng dụng các giải pháp phát triển thể lực, góp phần nâng chất lượng nguồn nhân lực các DTTS đến năm 2030. Bao gồm:** 1) Tuyên truyền nhằm tăng cường và nâng cao nhận thức về phát triển thể lực cho các DTTS; 2) Xây dựng cơ sở dữ liệu và tiến hành theo dõi, giám sát và đánh giá thể lực của đồng bào các DTTS; 3) Phát triển kinh tế, cải thiện điều kiện và môi trường sống cho các DTTS (*a. Quy hoạch bố trí, sắp xếp lại dân cư một cách khoa học, hợp lý ở vùng DTTS và miền núi; b. Phát triển kinh tế để thúc đẩy phát triển thể lực cho các DTTS; c. Cải thiện điều kiện sống và vệ sinh môi trường của đồng bào các DTTS*); 4) Tăng cường dinh dưỡng cho các DTTS; 5) Chăm sóc sức khỏe y tế cộng đồng để phát triển thể lực cho các DTTS; 6) Phát triển TDTT để tăng cường thể lực cho đồng bào các DTTS (*a. Đối với thể thao trong trường học vùng DTTS; b. Đối với thể thao quần chúng cho người dân, cộng đồng, xã hội vùng DTTS*); 7) Huy động nguồn lực phục vụ phát triển thể lực các DTTS;

**Kiến nghị 2. Bổ sung, điều chỉnh và ban hành mới các chính sách phát triển thể lực, góp phần nâng chất lượng nguồn nhân lực các DTTS đến năm 2030. Cụ thể là:**

**1) Đối với các chính sách khung, điều chỉnh chung liên quan đến DTTS, phát triển thể lực các DTTS**

- Cần bổ sung quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển thể lực, tầm vóc con người, chất lượng dân số và bảo tồn nòi giống của các DTTS trong chủ trương đường lối của Đảng về dân tộc và công tác dân tộc, cụ thể là khi ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết 24/NQ-TW ngày 12 tháng 03 năm 2003 về Công tác dân tộc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Khóa IX, Hội nghị lần thứ 7.

- Cần phải luật hóa các vấn đề liên quan đến DTTS, vùng DTTS&MN, công tác dân tộc, chính sách dân tộc và nội dung liên quan đến phát triển thể lực của các DTTS đã được đề cập tại báo cáo nghiên cứu này trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Khi và chỉ khi được luật hóa, các vấn đề liên quan đến

DTTS nói chung và phát triển thể lực các DTTS nói riêng mới có thể có những chính sách mang tính căn bản để giải quyết các vấn đề đang đặt ra hiện nay.

- Qua rà soát cho thấy Đảng đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về Công tác Dân tộc, Chính phủ cũng đã ban hành Chiến lược, Nghị định về Công tác Dân tộc, nhưng đến thời điểm hiện nay Quốc hội chưa ban hành Nghị quyết nào liên quan đến vấn đề dân tộc, Công tác Dân tộc. Vì vậy, việc Quốc hội xem xét ban hành “Nghị quyết về Công tác Dân tộc” là rất cần thiết trong tình hình hiện nay. Nội dung nghị quyết cần phải đề cập đến yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp mang tính cấp bách về phát triển thể lực của các DTTS trong tình hình hiện nay.

- Quốc hội cần xem xét, ban hành “Đề án Tổng thể đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”. Phát triển phát triển KT-XH cho vùng DTTS&MN là động lực quan trọng nhất, mang tính quyết định để các DTTS phát triển, trong đó vấn đề thể lực sẽ được giải quyết theo, Chương trình đề án phải giải quyết được: (i) Bảo đảm xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và các dịch vụ xã hội cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển; (ii) Tạo sinh kế và thực hiện an sinh xã hội đối với nhóm nghèo, có hoàn cảnh khó khăn và đặc biệt khó khăn; dân cư khu vực biên giới, có vị trí liên quan đến quốc phòng an ninh; (iii) Có chính sách đầu tư tương xứng, đủ mạnh để cho các hộ khá, giàu, các mô hình khởi nghiệp, doanh nghiệp, doanh nhân vùng DTTS&MN trong đó chú trọng đối tượng là DTTS phát triển theo lý thuyết “kéo - đẩy” và “đầu tàu kéo toa tàu”; (iv) Tích hợp các lĩnh vực để tạo ra sức mạnh tổng hợp, tương hỗ giữa các nội dung, lĩnh vực chính sách...

- Bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển các DTTS trong đó có các mục tiêu liên quan đến phát triển thể lực trong các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội quốc gia 5 năm, chiến lược 10 năm và trong kế hoạch 5 năm, 10 năm các địa phương vùng DTTS&MN (Xem xét, rà soát lựa chọn các chỉ tiêu phù

hợp tại Quyết định số 1557/QĐ-TTg, ngày 10/9/2015 về Phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015).

## ***2) Các chính sách theo từng lĩnh vực liên quan đến phát triển thể lực***

### ***a) Chính sách về y tế***

- Ở cấp độ Luật, Pháp lệnh, nội dung nhìn chung đã được cụ thể hóa, bao phủ các chính sách về y tế, dân số đối với đồng bào DTTS. Tuy nhiên vẫn cần được rà soát, bổ sung thêm một số quy định: Có chính sách ưu tiên cụ thể đối với các cá nhân, tổ chức đầu tư phát triển y tế ở vùng đồng bào DTTS...; swau đổi Luật Khám bệnh, chữa bệnh theo hướng quy định rõ trách nhiệm của Nhà nước trong đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất trang thiết bị, dịch vụ khám chữa bệnh cho đồng bào DTTS, nhất vùng, dân tộc có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

- Tổng kết, đánh giá “Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030” (được ban hành tại Quyết định số 226/QĐ-TTg, ngày 22/02/2012) và xây dựng “Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030” nhằm giải quyết được vấn đề dinh dưỡng trong tình hình mới và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp quốc mà Việt Nam đã cam kết. Trong Chiến lược mới cần xác định bảo đảm dinh dưỡng và phát triển thể lực cho đồng bào DTTS là một nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách.

- Tổng kết, đánh giá “Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030” (được ban hành tại Quyết định số 122/QĐ-TTg, ngày 10/01/2013) và xây dựng “Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2021 - 2030,” nhằm giải quyết được vấn đề bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân trong tình hình mới, gắn với thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp quốc mà Việt Nam đã cam kết. Trong Chiến lược mới cần xác định rõ các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp cụ thể gắn với bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe và phát triển thể lực cho đồng bào DTTS.

- Cùng với việc nhanh chóng kiên cố hóa cơ sở vật chất trạm y tế của toàn vùng DTTS (5.266 xã), trong đó xây dựng mới 1.152 trạm y tế cho các xã chưa có trạm y tế và đầu tư nâng cấp 1.335 trạm y tế bán kiên cố và nhà tạm. Trước mắt tập trung xây dựng và thực hiện Chương trình “Xây dựng phòng khám đa khoa khu vực vùng DTTS&MN” (ưu tiên 3 địa bàn: miền núi phía Bắc, Duyên Hải miền Trung và Tây Nguyên). Tính toán, quy hoạch vị trí, năng lực, các điều kiện khác phù hợp với điều kiện tự nhiên, phân bố dân cư, đặc điểm văn hóa... để hình thành đầy đủ mạng lưới phòng khám đa khoa khu vực nhằm phục vụ việc khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho đồng bào DTTS (có thể tính 1 phòng khám đa khoa phục vụ như cầu của 3-4 xã).

- Sửa đổi và bỏ Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP, ngày 08/3/2010 của Chính phủ quy định các DTTS rất ít người (dưới 10.000 người) và các dân tộc có tỷ lệ sinh bằng hoặc thấp hơn tỷ lệ chết thì được sinh con thứ 3. Không thể dựa vào quy mô dân số ít mà quy định cho các tộc người này được sinh con thứ 3, vì lý do các dân tộc này đang trong bối cảnh nghèo túng, việc sinh nhiều con sẽ không chỉ làm cho chất lượng dân số, nòi giống ngày càng suy giảm đi mà còn là nguyên nhân dẫn đến cuộc sống của các tộc người này ngày càng khó khăn và chậm phát triển hơn.

- Xây dựng và ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với các cặp vợ chồng đăng ký kết hôn lần đầu ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn vùng, dân tộc có tỷ lệ tảo hôn cao... Để từ đó tạo kích thích, lan tỏa việc kết hôn đúng tuổi trong cộng đồng các DTTS. Trước hết làm thí điểm ở một số địa phương, dân tộc sau đó tổng kết, đánh giá và sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để có thể nhân rộng ra các địa bàn, DTTS khác.

- Tổ chức thực hiện chương trình, đề án nghiên cứu về thể lực các DTTS ở Việt Nam (xây dựng được bộ chỉ số sinh học và các tiêu chí, tiêu chuẩn phát triển thể lực, tầm vóc của các DTTS và theo từng dân tộc trong phạm vi toàn quốc; bộ chỉ số về điều kiện, môi trường sống của đồng bào các DTTS; Bộ chỉ số về tập quán, thói quen trong đời sống, sinh hoạt có tác động

đến thể lực của các DTTS; xây dựng và ban hành khung giám sát và bộ công cụ, bộ chỉ số đo lường để theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu, mục tiêu và hoạt động phát triển thể lực các DTTS);

- Tổ chức thực hiện Đề án Tổng điều tra, khảo sát, điều tra thống kê để thu thập được các thông tin, phục vụ xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về thể lực các DTTS ở Việt Nam: bộ chỉ số sinh học và các tiêu chí, tiêu chuẩn phát triển thể lực, tầm vóc; bộ chỉ số về điều kiện, môi trường sống của đồng bào các DTTS; bộ chỉ số và số liệu về yếu tố di truyền và môi trường chi phối chiều cao đứng của từng DTTS; điều tra tổng hợp và xác định tần số bệnh tật gây bất thường về tầm vóc thân thể, thể lực; điều tra về chất lượng dinh dưỡng thực hành truyền thống của các DTTS; điều tra về các môn thể thao truyền thống cũng như mức độ vận động của các DTTS...;

- Có chính sách hỗ trợ phát triển y học cổ truyền của các DTTS: hỗ trợ nghiên cứu, nâng cao giá trị các bài thuốc, phương thuốc chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của từng DTTS; hỗ trợ để các cơ sở khám chữa bệnh truyền thống trong hoạt động, quảng bá...

#### *b) Chính sách phát triển thể dục, thể thao vùng DTTS*

- Luật TDTT quy định: “Nhà nước có chính sách bảo vệ và phát huy các môn thể thao dân tộc theo quy định của Luật di sản văn hóa” tuy nhiên trong Luật di sản văn hóa lại không quy định về vấn đề này. Luật TDTT quy định việc cơ quan quản lý Nhà nước về TDTT có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan phổ biến các môn thể thao dân tộc ra nước ngoài, tuy nhiên, về vấn đề này chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định và cũng chưa thực hiện được trong thực tế.

- Tổng kết, đánh giá “Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020” và xây dựng “Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030” nhằm giải quyết được vấn đề phát triển thể dục, thể thao trong vùng DTTS&MN nói chung và đồng bào DTTS nói riêng.

Trong Chiến lược mới cần xác định rõ quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp phát triển thể dục, thể thao trong vùng DTTS&MN và đồng bào DTTS.

- Khoản 4- Điều 2-NĐ 112/2007/NĐ-CP quy định về việc Ủy ban TDTT (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) phối hợp với các Bộ, ngành liên quan quy định danh mục các môn thể thao dân tộc. Tuy nhiên, hiện nay Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch vẫn chưa ban hành văn bản quy định về vấn đề nêu trên.

- Tổ chức thực hiện “Chương trình nghiên cứu, điều tra các môn thể thao, trò chơi truyền thống của các DTTS Việt Nam”, nhằm sưu tầm, hệ thống hóa, đánh giá thực trạng các môn thể thao dân tộc, các trò chơi vận động truyền thống của từng vùng, từng cộng đồng, từng dân tộc... từ đó bổ sung, hoàn thiện và nâng cao chất lượng từng môn thể thao, trò chơi và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để đưa vào phát triển trong đời sống xã hội. Giáo trình hóa các môn thể thao truyền thống của các DTTS để đưa vào giảng dạy, học tập, trong hệ thống các trường học vùng DTTS&MN

- Cần bổ sung quy định “ưu tiên đầu tư vào hệ thống cơ sở vật chất phục vụ hoạt động TDTT ở vùng DTTS” trong quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013), vì trong Quyết định này không có nội dung nào quy định ưu tiên đầu tư vào hệ thống cơ sở vật chất phục vụ hoạt động TDTT ở vùng DTTS như Luật TDTT và Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020 đã quy định trước đó, cũng như theo quy định tại Điều 13, 14 và 15 của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc. Cụ thể như sau: Phát triển thể dục, thể thao vùng DTTS: Ưu tiên các môn thể thao truyền thống; tổ chức xây dựng và hỗ trợ các hoạt động thể dục, thể thao, xây dựng sân vận động, nhà thi đấu, trung tâm tập luyện TDTT.

- Tổ chức đánh giá tổng kết 10 năm thực hiện “Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030”, trên cơ sở đó tiến



hành điều chỉnh, bổ sung và có các giải pháp khả thi để hiện thực hóa các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án đã đặt ra. Thực tế cho đến thời điểm hiện nay việc thực hiện đề án là hết sức khó khăn và không đạt được kết quả như mong đợi, các địa phương đều ban hành kế hoạch thực hiện nhưng hầu hết không bố trí được ngân sách để thực hiện. Việc tổng kết 10 năm là hết sức cần thiết, có thể dẫn đến thay thế bằng một Đề án mới. Trong bất cứ lựa chọn nào (bổ sung hoặc thay thế đề án) cũng rất cần bổ sung thêm các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp phát triển thể lực cụ thể cho đồng bào DTTS.

- Tổng kết đánh giá Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025, được ban hành tại Quyết định số 1076/QĐ-TTg, ngày 17/6/2016, trong điều kiện có thể tiến hành xây dựng Đề án mới cho giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, trong đề án mới này cần đặc biệt chú ý đối với hệ thống giáo dục vùng DTTS&MN, tập trung vào 3 nội dung: xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ giáo dục thể chất và thể thao trường học; giáo dục thể chất; hoạt động thể thao trong hệ thống các trường học vùng DTTS&MN.

- Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi về đất đai, thuế, vay vốn... cho các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân để thực hiện đầu tư hỗ trợ xây dựng các công trình thể dục, thể thao trong vùng DTTS&MN, nhất là vùng có đông đồng bào DTTS, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Thiết kế, xây dựng tổ hợp các tiêu chuẩn rèn luyện thể lực cho mọi người theo từng nhóm tuổi, với nhiều tổ hợp các môn thể thao, trong đó có tổ hợp tiêu chuẩn cho các môn thể thao dân tộc, cũng như các hình thức khuyến khích người dân nói chung và người DTTS nói riêng phấn đấu, rèn luyện thể lực suốt đời trên cơ sở tổ hợp các tiêu chuẩn được xây dựng và ban hành.

#### *c) Chính sách về dinh dưỡng cho DTTS*

- Bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu về giảm suy dinh dưỡng thể nhẹ cân. giảm suy dinh dưỡng thể thấp còi trong đồng bào DTTS là một chỉ tiêu phát

triển kinh tế - xã hội quốc gia 5 năm, chiến lược 10 năm và trong kế hoạch 5 năm, 10 năm các địa phương vùng DTTS&MN.

- Tổng kết, đánh giá “Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030” (Quyết định số 226/QĐ-TTg ngày 22/02/2012) và xây dựng “Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030” nhằm giải quyết được vấn đề dinh dưỡng trong vùng DTTS&MN nói chung và đồng bào DTTS nói riêng. Trong Chiến lược mới cần xác định rõ quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp dinh dưỡng trong vùng DTTS&MN và đồng bào DTTS, đặc biệt chú ý phát huy, phát triển trên nền tảng tri thức dinh dưỡng truyền thống của đồng bào các DTTS.

- Phê duyệt và triển khai “Đề án Điều tra, nghiên cứu, phân tích thực trạng, thực hành dinh dưỡng của các DTTS” trong phạm vi cả nước (theo từng dân tộc, từng địa bàn, từng nhóm tuổi; làm rõ được giá trị, khả năng đáp ứng/chưa đáp ứng; xây dựng chế độ dinh dưỡng phù hợp, bảo đảm yêu cầu về duy trì và phát triển thể lực, dựa trên nền tảng thực hành dinh dưỡng hàng ngày của các DTTS. Đề xuất chuẩn thực đơn dinh dưỡng hàng ngày phù hợp, dựa trên việc ưu tiên tối đa các sản phẩm, thực phẩm và thực hành dinh dưỡng truyền thống của từng DTTS và đưa các phương án thay thế phù hợp, khả thi với điều kiện thực tế của đồng bào.

- Xây dựng và bổ sung cách tiếp cận giáo dục dinh dưỡng trong các chương trình giảng dạy, sách giáo khoa, sách tham khảo... từ bậc mầm non đến tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông phù hợp với từng dân tộc, nhóm dân tộc, địa bàn, địa phương.

*d) Chính sách về bảo đảm điều kiện sống*

- Ban hành chính sách hoặc dự án “Quy hoạch, bố trí, sắp xếp lại dân cư các vùng DTTS&MN đang sống trong các vùng có nguy cơ cao về ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, vùng có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, biệt lập và không bảo đảm an toàn”.

- Có chính sách hỗ trợ kinh phí các xã vùng DTTS trong thu gom và xử lý rác, cụ thể là hỗ trợ nhân viên thu gom vận chuyển rác; xây dựng các bãi rác tập trung gắn với công nghệ xử lý phù hợp theo cụm xã.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình xóa nhà tạm cho đồng bào các DTTS theo tinh thần Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/10/2017 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 20/NQ-P của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/10/2017 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới đất liền kết hợp với tăng cường và củng cố quốc phòng an ninh, đối ngoại./.